

TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH DỊCH CHUYỂN TRUNG TÂM THƯƠNG CẢNG VÂN ĐỒN (QUẢNG NINH) QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

ĐINH THỊ THANH NGÀ*

1. Mở đầu

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, khu vực Vân Đồn đã tham gia vào quá trình giao lưu buôn bán với khu vực nam Trung Quốc từ rất sớm. Quá trình này diễn ra một cách không chính thức cho đến thế kỷ XII, khi “tràng Vân Đồn” được thành lập. Lúc này, các hoạt động giao thương được đặt dưới sự quản lý của triều đình cho đến lúc suy tàn vào thời Nguyễn, thế kỷ XIX. Trong thời kỳ phát triển hưng thịnh, các thuyền buôn và thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á... đã đến buôn bán, trao đổi hàng hóa. Cùng với Hội Thống, Vân Đồn trở thành một trong hai thương cảng quan trọng, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế đất nước ở khu vực miền Bắc.

Nhiều nguồn tư liệu lịch sử trong và ngoài nước nói đến với tư cách là một thương cảng quốc tế do nhà Lý thành lập từ năm 1149, nên từ rất sớm khu vực Vân Đồn luôn là đối tượng nghiên cứu của các nhà sử học, khảo cổ học và văn hóa. Với các kết quả đã nghiên cứu, có thể xác định thương cảng Vân Đồn là một hệ thống gồm nhiều bến bãi, nằm ở phía đông bắc Việt Nam. Hệ thống di tích này phân bố trên địa bàn huyện Vân Đồn, thành phố Hạ Long, thành phố Móng Cái, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Các bến bãi đã được các nhà nghiên cứu xác nhận là các bến: Con Quy, Cống Cái, Cái Làng, Cống Đông, Công Tây, Cống Yên, Cống Hẹp, Mang Thúng, Cống Chèo, Vụng Sim (huyện Vân Đồn), Gạo Rang (Hạ Long), Thoi Sành, Vạ Dật, Miếu Gạch Út (Móng Cái), Đượng Hạc (Quảng Yên)...

Hiện nay, các nhà khảo cổ học vẫn đang tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi: Đây là trung tâm của thương cảng Vân Đông khi mà phạm vi phân bố của nó rộng và tồn tại trong thời gian dài như thế? Có nhiều quan điểm đã đưa ra để trả lời cho câu hỏi này, đó là PGS.TS. Đỗ Văn Ninh cho rằng, vị trí trung tâm của thương cảng Vân Đồn từ thời Lý cho đến lúc suy tàn nằm ở khu vực giữa đảo Vân Hải, tức là bến Cống Cái và Cái Làng (Đỗ Văn Ninh 2004). Ngược lại, PGS. TS. Trịnh Cao Tường đã đưa ra giả thuyết rằng thương cảng Vân Đồn có sự chuyển dịch theo từng giai đoạn lịch sử khác nhau, “thời Lý - Trần đóng tại Cống Đông, cuối thời Lê chuyển ra Quan Lạn, đến thời Nguyễn lại quay về Cống Đông” (Trịnh Cao Tường 2002: 65), PGS.TS. Nguyễn Văn Kim cũng đồng ý với ý kiến này.

Với kết quả khai quật, nghiên cứu được cập nhật gần đây thì tôi đưa ra một quan điểm khác đó là, vị trí trung tâm của thương cảng Vân Đồn đã dịch chuyển theo từng giai đoạn nhưng khu vực trung tâm khác với ý kiến của PGS.TS. Trịnh Cao Tường.

*Viện Khảo cổ học

2. Giai đoạn hình thành, phát triển và suy tàn của thương cảng Vân Đồn

2.1. Điều kiện hình thành “tràng Vân Đồn”

Về điều kiện tự nhiên: Trước kia, một trong những con đường đi lại với phương Bắc là đi theo đường thủy ven vịnh Bắc Bộ. Thiên nhiên đã bố trí một loạt đảo chạy suốt ven biển tạo bức bình phong kín đáo, ngăn dòng nước ở giữa khiến việc đi lại yên bình như trên đường sông. Theo *Lĩnh Nam ngoại đáp* đời Tống ghi rõ: “từ Khâm Châu thuyền đi hướng Tây - Nam, một ngày đến châu Vĩnh An, theo trại Đại Bàn thuộc Ngọc Sơn, tới Vĩnh Thái, Vạn Xuân liền tới Thăng Long, thuyền đi mất 5 ngày” (Đỗ Văn Ninh 2004: 121). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: năm 1006, “Duyên biên an phủ sứ Thiệu Việp từng dâng vua Tống bản đồ đường thủy, bộ từ Ung Châu đến Giao Châu với ý đồ muốn lấy nước ta” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1993: 168).

Đường đi thuận lợi không những dùng cho quân đội mà còn là con đường buôn bán giữa nước ta với phương Bắc. Trong suốt những năm chống Hán hóa, thuyền buôn các nước vẫn buôn bán với nước ta. Đến năm 792, thuyền buôn qua lại nhiều đến nỗi khiến quan lại nhà Đường cho rằng sự phồn vinh của Đại Việt có hại cho nền ngoại thương ở Quảng Châu nên họ yêu cầu vua Đức Tông ra lệnh cấm không cho tàu buôn các nước qua lại với Đại Việt (Ban quản lý di tích trọng điểm: 20). Năm 1009, vua Lê Ngọa Triều đã cầu thông thương với Ung Châu nhưng vua Tống chỉ cho “thông thương với Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1993:169).

Về điều kiện kinh tế - xã hội: Tại khu vực Vân Đồn, các di tích thuộc văn hóa Hạ Long đã được phát hiện như Đồng Chối, Ngọc Vòng, cho thấy đã có sự giao lưu văn hóa từ rất sớm. Qua kết quả khai quật 3 ngôi mộ tại khu mộ Đá Bạc (xã Minh Châu) và mộ tại đảo Thề Vàng đã phát hiện số lượng lớn di vật. Chúng phong phú về chất liệu và đa dạng về loại hình, gồm đồ gốm, đồ đồng, đồ đất nung, có niên đại thế kỷ II-III. Từ bộ sưu tập hiện vật thu được đã cho ta biết người chết cùng gia quyến là người thuộc tầng lớp trên đồng thời cũng chỉ ra tầm quan trọng về mặt kinh tế vùng hải đảo. Có thể vào thời Hán, người Trung Quốc đã thiết lập một trị sở quản lý ở đâu đó xung quanh đảo Trà Bàn hoặc Quan Lạn (Đỗ Văn Ninh 2004: 120).

Kết quả nghiên cứu đa bào, bao gồm phân hoa, mẫu than, mẫu thực vật cho thấy thảm thực vật bản địa rất phong phú và ở mức độ thấp, nông nghiệp lúa nước tăng từ năm 1.150 BC đến 950 AD. Các di vật đồ gốm, công cụ bằng đá và các mảnh công cụ nhỏ được phát hiện tại di tích Đồng Chối, phía bắc của đảo Quan Lạn, cho ta biết sự chiếm đóng của cư dân cổ đã bắt đầu từ 3000 BP. Đến thời Hán, đã có sự trao đổi buôn bán và ảnh hưởng bởi văn hóa Hán qua việc phát hiện các mộ gạch tại di tích Đá Bạc. Điều này cho thấy sự hiện diện của nông nghiệp sớm là phù hợp (Christy Briles và nnk 2019).

Những tư liệu khảo cổ học được phát hiện tại di tích Đồng Chối, Ngọc Vòng và các ngôi mộ Hán tại Đá Bạc (xã Minh Châu), đảo Thề Vàng (xã Thắng Lợi) và kết quả phân tích đa bào cho phép ta tin rằng, khu vực Vân Đồn vào khoảng 2000 năm trước đã có thể là trọng điểm kinh tế và nằm trên trục đường biển quốc tế. Đây là điều kiện cơ sở để phát triển thương mại và đặt nền móng cho sự phát triển của thương cảng Vân Đồn sau này.

2.2. Giai đoạn hình thành, cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII

Tên gọi Vân Đồn xuất hiện lần đầu tiên trong chính sử nước ta vào năm 1149, đời vua Lý Anh Tông, “lúc này thuyền buôn nước ngoài đến xin đỗ một chỗ để buôn bán, vua cho ở, lập các

trang trại ở cạnh bờ biển nên mới gọi là trang Vân Đồn, thuộc đạo Hải Đông, để buôn bán với ba nước ở phía Nam nước ta là Trảo Oa, Lộ Lạc, Xiêm La” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1993: 302).

Về vị trí của trang Vân Đồn, đến ngày nay vẫn là một câu hỏi lớn vì các ghi chép trong sử sách không rõ ràng khiến các nhà nghiên cứu vẫn còn nhiều ý kiến trái ngược nhau. Tuy nhiên, có thể xác định, thương cảng Vân Đồn được lập trên một hòn đảo trong vùng vịnh Bái Tử Long kín đáo.

Sách *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu chép: “Núi Vân Đồn ở phía đông bắc phủ Giao Châu, huyện Vân Đồn, ở trong biển lớn. Hai núi đối nhau, một dòng nước chảy qua giữa, thuyền buôn của các phiên quốc phần nhiều họp ở đây” (Nguyễn Văn Siêu 1997: 112). Như vậy, sách này chỉ rõ địa điểm núi Vân. Điều này hoàn toàn phù hợp với địa danh hiện nay tại đảo Quan Lạn.

Sách *Đông Khánh dư địa chí* ghi: “Đảo Vân Đồn ở giữa biển, ngoài cửa biển Vân Đồn”, “cửa biển Vân Đồn ở địa phận xã Quan Lạn, phía ngoài có đảo Mai, còn gọi là cửa biển Mai, bên phải có đảo Ngọc Vũng, bên trái có đảo Cảnh Cước, phía trong có đảo Phụng Hoàng, phía đông đảo là sông Trạ Lai, thủy triều ở cửa biển sâu 1 trượng 8 thước, mực nước ban đêm sâu 1 trượng, rộng 140 trượng” (Ngô Đức Thọ và nnk 2003: 422). Sách này cũng ghi rõ cửa biển Vân Đồn tại xã Quan Lạn, chính là Cửa Đồi ngày nay.

Nhiều tài liệu xưa có ghi chép chung chung, như trong *An Nam chí nguyên* của Cao Trưng Hưng chép: “Vân Đồn, tức Đồn Sơn, ở huyện Vân Đồn, trong biển, hai dãy núi đối ngọn nhau, một dải nước chảy thông ở giữa, lập các hành rào chắn bằng gỗ đặt làm cửa biển, nhà dân ở dọc hai bên bờ. Thời Lý-Trần thuyền buôn các nước thường tụ tập nhiều ở đó” (Hoa Bằng dịch 2017). Theo Đỗ Văn Ninh thì hai ngọn núi ở đây là núi của đảo Trà Bản và núi đảo Quan Lạn (xã Quan Lạn), dải nước chảy thông ở giữa là sông Mang. Tuy nhiên, Trịnh Cao Tường lại cho rằng hai ngọn núi là chỉ “đảo cổng Đông và cổng Tây (xã Thắng Lợi) cách nhau khoảng 200m thì mới có thể lập rào chắn” (Trịnh Cao Tường 2002: 66).

Dựa vào kết quả các cuộc khảo sát và khai quật ở các điểm di tích trên đảo Quan Lạn như bến Con Quy, Cổng Cái, Cổng Chèo, Mang Thúng, Vụng Sim có thể xác định bến Cổng Cái, bến Con Quy là trung tâm sớm nhất, là “cái nôi” của trang Vân Đồn.

Bến Con Quy thuộc thôn Sơn Hào, xã Quan Lạn, là một quả đồi thấp, nằm về phía đông bắc vụng Cổng Cái, cách khoảng 1,5 km. Kết quả khảo sát cho thấy ven bờ phía nam bến Con Quy, đã phát hiện nhiều mảnh sành, gốm. Trong đó tập trung nhất là ở khu vực ngã ba nơi sông Mang mở vào Cổng Cái.

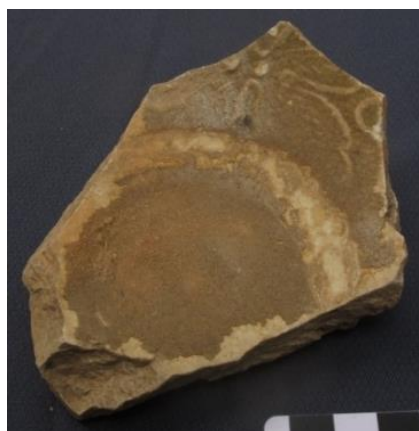
Yamamoto Tatsuto đã tiến hành khảo sát di tích này năm 1936 và thu được nhiều hiện vật gồm tiền đồng Trung Quốc thời Đường, Tống, tiền Việt Nam thời Lê Trung hưng, Nguyễn, gốm sứ từ thời Tống đến thời Thanh, ông cho rằng: “bến Con Quy ở phía bắc đảo là bến tốt nhất, có thể tránh sóng gió và có thể là một bến quan trọng trong thời phồn vinh của thương cảng Vân Đồn”. Năm 1970, trong đợt khảo sát, Đỗ Văn Ninh đã nhận định: “Ven bờ Cổng Đồn cũng có những phế vật bát, đĩa thời Lý-Lê. Các hiện vật gốm sứ phát hiện trên đảo Con Quy không có sự khác biệt nhiều so với Cái Làng và Cổng Cái nhưng số lượng ít hơn. Khó có thể đặt tầm quan trọng của bến Con Quy ngang với bến Cái Làng và Cổng Cái. Có thể, bến này là trạm cửa ngõ dừng chân của thuyền bè khi đợi làm “thủ tục” trước khi được phép vào bến chính” (Đỗ Văn Ninh 2004: 150).

Năm 2003, Đại học Quốc Gia Hà Nội phối hợp Đại học Chiêu Hòa đã tiến hành mở 3 hố thăm dò với tổng diện tích 14m². Ở khu vực khai quật, bề mặt đã bị san lấp do quá trình khai thác cát, chỉ còn lớp xáo trộn dày 60-100cm, là lớp cát màu xám chứa các mảnh hiện vật đồ gốm men, đồ sành. Tổng số hiện vật thu được rất ít, 91 mảnh, trong đó 66 mảnh sành sứ Việt Nam, 25 mảnh sành sứ Trung Quốc. Đồ sứ Trung Quốc có niên đại thế kỷ XIII-XIV và đồ sành Việt Nam có niên đại thế kỷ XIV-XVII. Ngoài ra, sưu tầm 32 tiền đồng, trong đó 1 đồng Việt Nam “Thiên Phúc Trấn Bảo”, 31 tiền đồng Trung Quốc niên đại từ thời Ngũ Thù (2 đồng) đến Đông Hán (2 đồng) và 27 đồng thời Tống, niên đại thế kỷ I-XIII.

Như vậy, với kết quả khai quật này, mặc dù tầng văn hóa bị phá hủy nhưng có thể nhận thấy di tích bến Con Quy có thể là nơi cư trú của người Hán vào giai đoạn sớm. Đến khi thành lập trang Vân Đồn thì di tích này tham gia vào hệ thống thương mại sớm hơn các di tích khác trên đảo Quan Lạn. Di tích này có lẽ đảm nhiệm vai trò như là cửa ngõ, trạm dừng chân của thuyền buôn trước khi vào bến chính.

Di tích quan trọng nhất của thương cảng Vân Đồn giai đoạn sớm là bến Cống Cái, nằm ở phần trung tâm của đảo Quan Lạn, một hòn đảo thuộc tuyến Vân Hải nằm ở rìa phía đông nam của huyện đảo Vân Đồn. Di tích này gồm thung lũng Sơn Hào và ngã ba Cống Cái - Sông Mang. Vực Cống Cái kín gió và không lớn lắm. Cửa vào rộng khoảng 100m khi nước triều lên, nơi hẹp nhất khoảng 50m rồi lại mở rộng ở phía trong, có diện tích mặt nước khoảng 20,000m² khi triều lên.

Tại di tích này, qua 10 năm với 8 cuộc khảo sát và 2 cuộc khai quật đã xác định được một phân quy mô, tầng văn hóa, đặc trưng di vật và mối quan hệ của bến Cống Cái với thương cảng Vân Đồn. Tại đây đã xuất lộ nhiều di tích quan trọng, là minh chứng cho vai trò bến cảng của di tích này. Gồm có những vết tích của móng, cấp nền, bến bãi, giếng, đá neo thuyền, hồ chân cột. Số lượng di vật thu được khá phong phú bao gồm gốm men, gốm có áo, sành mịn, đồ đất nung, đồ kim loại, đồ đá. Kết quả nghiên cứu địa tầng cho thấy, tại khu vực thung lũng Sơn Hào đã phát hiện dấu tích văn hóa thời Lý mặc dù không rõ ràng lắm nhưng có khả năng có dấu tích hoạt động ở những lớp đào sâu nhất, căn cứ vào sự có mặt của gốm men Trung Quốc có niên đại thế kỷ X-XIII, một số mảnh sành Việt Nam có truyền thống thời Lý và các mảnh gốm men trắng có kỹ thuật chế tác của giai đoạn giữa thế kỷ XIII (Hình 1).



Hình 1. Mảnh gốm men ngọc Việt Nam giữa thế kỷ XIII

(Nguồn: Lê Thị Liên)

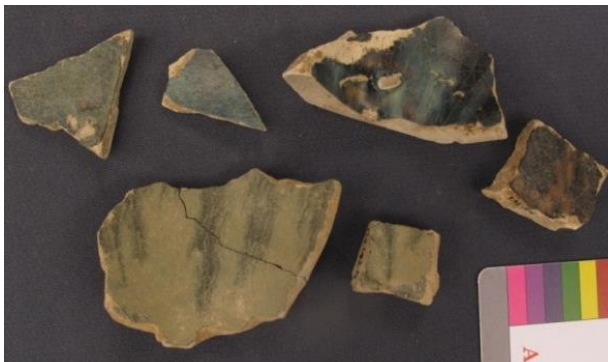


Hình 2. Hộp gốm men trắng Trung Quốc, thế kỷ XI-XIII

Các mảnh dòng gốm men trắng có nguồn gốc Trung Quốc được sản xuất từ lò Định với kỹ thuật đúc khuôn và cạo mép miệng chống dính, niên đại thế kỷ XI-XIII (Hình 2). Gốm men nâu cũng có các nguồn gốc và niên đại khác nhau. Có một số mảnh tương tự với các mảnh ở lò gốm Quảng Tây. Đặc biệt là số lượng bát đáng chiết yếu tương tự như các sản phẩm được phát hiện ở các lò thuộc tỉnh Quảng Tây, đồng thời rất gần gũi với loại hình bát uống rượu gốm men nâu dòng gốm Kiến của vùng Phúc Kiến, sản xuất trong khoảng thế kỷ X-XIII (Hình 3, 4). Tỷ lệ xuất lộ các mảnh gốm men có niên đại TK X-XIII chiếm 1/2 trong tổng số mảnh gốm men Trung Quốc thu được (610/1208 mảnh) đã cho thấy, vào giai đoạn sớm có khả năng “đã có khu vực cư trú của tầng lớp trên hoặc thương nhân giàu có trong khu vực này vào thời kỳ Lý- Trần” (Lê Thị Liên 2018: 657).



Hình 1. Bát gốm men nâu Trung Quốc thế kỷ X-XIII



Hình 2. Mảnh gốm men nâu Trung Quốc thế kỷ X-XIII

(Nguồn: Lê Thị Liên)

Các thư tịch cổ đã phần nào cho chúng ta thấy những thông tin cơ bản về thương cảng Vân Đồn. Tuy nhiên, các ghi chép rất giản lược và mơ hồ nên không tránh khỏi những khác nhau của người đọc nên có rất nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ. Khiến các nhà nghiên cứu tranh cãi vai trò trung tâm là ở đảo Quan Lạn hay đảo Thừa Cống. Với kết quả nghiên cứu khảo cổ học từ các điểm di tích trên địa bàn đảo Quan Lạn, Thừa Cống, tôi cho rằng, trung tâm sớm nhất của thương cảng Vân Đồn vào cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII nằm ở đảo Quan Lạn, cụ thể là ở khu vực bến Cống Cái, Con Quy.

2.3. Giai đoạn phát triển, giữa thế kỷ XIII - XVI

Vào cuối thế kỷ XIII, bến Con Quy và Cống Cái dần đánh mất vai trò trung tâm của mình. Các bến này vẫn tham gia vào hoạt động buôn bán hàng hóa nhưng đã không còn đóng vai trò chủ đạo. Điều này được thể hiện rõ ở số lượng và sự đa dạng của di vật đã giảm rõ nét, đặc biệt là số lượng đồ gốm men Trung Quốc, các dấu tích kiến trúc cũng có quy mô nhỏ, chủ yếu là các dấu tích hố chôn cột. Ngoài ra các bến Mang Thúng, Vụng Sim, Cống Chảo (đảo Quan Lạn), Miếu Gạch Út, Vạ Dạt, Thoi Sành (Móng Cái), Đượng Hạc (Quảng Yên), Gạo Rang (Hạ Long) chứa nhiều hiện vật gốm men, sành có nguồn gốc Việt Nam, Trung Quốc, niên đại chủ yếu vào thế kỷ XIII-XIV. Cho thấy, thời gian hoạt động của các bến cảng này khá ngắn, chỉ tập trung phát triển trong thời Trần.

Lúc này, cũng tại đảo Quan Lạn, di tích bến Cái Làng đã vươn lên phát triển một cách mạnh mẽ để trở thành một trong hai bến trung tâm vào giai đoạn phát triển của thương cảng. Bến này nằm ở phía tây nam núi Man, thuộc xã Quan Lạn, là một di tích bến cảng điển hình. Bờ vụng phía đông của bến có một dải khoảng 200m chứa nhiều di vật gốm men, sành của nhiều giai đoạn và nguồn gốc khác nhau, hiện vật xuất lộ chủ yếu có niên đại thế kỷ XVI-XVIII. Ngoài ra, xuất lộ hệ thống giếng nước ngọt như Giếng Hệu, các bậc nền ở sâu trong thung lũng Cái Làng, dấu tích kiến trúc lợp ngói. Bên dưới mặt đất là các dấu tích kiến trúc nhà ở, hệ thống kè bến bằng đá, nơi lưu trữ

nguồn nguyên liệu sản xuất đồ sành; tầng văn hóa dày 1m, chứa khá nhiều di vật gồm vật liệu kiến trúc, gốm men, đồ sành cho thấy sự tụ cư đông đúc. Theo nhận định của các nhà nghiên cứu thì bến Cái Làng có các hoạt động buôn bán diễn ra thịnh đạt nhất vào giai đoạn cuối thế kỷ XIV đến thế kỷ XV (Phạm Như Hồ và nnk 2004: 356-357). Sau thế kỷ XVI, sự bồi lấp của bến bãi có thể là một trong những nguyên nhân khiến nơi đây trở nên tiêu điều.

Trung tâm còn lại là đảo Thừa Cống (Cống Đông - Cống Tây), nơi có vai trò quan trọng trong sự phát triển của thương cảng Vân Đồn trong giai đoạn giữa TK XIII - XVI. Đảo Thừa Cống, thuộc xã Thắng Lợi gồm hai đảo nằm song song theo hướng tây bắc - đông nam, tạo nên một dải nước dài, sâu ở giữa. Dải nước này gọi là sông Cống Đông, rộng khoảng 200m. Vụng biển rất kín gió bởi được đảo che chắn hai bên. Đây là một địa điểm hết sức thuận lợi cho việc đỗ thuyền và vận chuyển hàng hóa lên xuống. Suốt chiều dài phía đông và một số địa điểm ở phía tây của đảo Cống Tây, khoảng 5km là những vụng biển thuận lợi cho việc cập bến, neo đậu tàu/thuyền. Như vậy, tính cả hai đảo có 9 vụng biển có dấu tích khảo cổ có liên quan đến hoạt động buôn bán, gồm: 1. phía đông đảo Cống Tây gồm 5 vụng: vụng thôn 1 (vụng Bảo Tháp), vụng thôn 2 (vụng Cây Dừa), nay thuộc thôn Cống Tây; vụng thôn 3 (vụng Chùa Cây Quéo) nay thuộc thôn Quyết Thắng; vụng thôn 4 (vụng Chùa Trong), vụng thôn 5 (vụng Cầu Càng) nay thuộc thôn Thi Đa; 2. phía tây đảo Cống Tây có 2 vụng gồm vụng Khe Sấn và vụng Chuồng Bò; 3. phía tây đảo Cống Đông có 2 vụng gồm Vụng Huyện lớn và Vụng Huyện nhỏ, nay thuộc thôn Cống Đông. Hiện nay do công cuộc hiện đại hóa, các bến ở đảo Cống Tây đã bị lấp khá nhiều, chỉ còn một phần dấu tích. Vụng Huyện lớn ở đảo Cống Đông đã bị san lấp hoàn toàn. Cùng với hệ thống các bến cảng, trên đảo Cống Tây có hệ thống các chùa, tháp thời Trần như ngọn Bảo Tháp, Chùa Lắm, Chùa Cát, Chùa Trong, Chùa Cây Quéo.

Kết quả khai quật năm 2002 tại đảo Cống Tây cho thấy, hiện vật gốm men có nguồn gốc từ Hải Dương, niên đại thế kỷ XV-XVI. Hiện vật gốm men Trung Quốc có niên đại thế kỷ XIV-XV, trong đó men ngọc là điển hình gồm lò Long Tuyền, thời Nguyên. Từ kết quả nghiên cứu, đoàn khai quật cho rằng: “có thể ở đảo Thừa Cống có 2 loại bến, bến chuyên chứa hàng nhập khẩu, chủ yếu lưu chứa gốm men Trung Quốc như vụng thôn 5, vụng Chuồng Bò. Và bến chuyên lưu chứa, xuất khẩu gốm men Việt Nam như vụng thôn 3” (Nguyễn Văn Kim 2006: 56-57).

Vào giai đoạn phát triển của thương cảng thì các bến ở khu vực tiền cảng (thuộc thành phố Móng Cái, thành phố Hạ Long, thị xã Quảng Yên) cũng tham gia mạnh mẽ vào quá trình giao thương nhưng tồn tại trong thời gian ngắn, chỉ khoảng 2 thế kỷ, thế kỷ XIII-XIV. Mà các bến của khu vực trung tâm (huyện Vân Đồn) thì tham gia vào quá trình trao đổi hàng hóa một cách mạnh mẽ và trong suốt cả quá trình phát triển của thương cảng. Bến Cái Làng của đảo Quan Lạn và hàng loạt các bến tại đảo Thừa Cống đều tham gia vào hoạt động thương mại trong thời gian khá dài, từ giữa thế kỷ XIII-XVIII, phát triển rực rỡ vào giai đoạn thế kỷ XIV-XVI. Tuy nhiên, sự phát triển của đảo Thừa Cống có lẽ mạnh mẽ hơn Cái Làng, minh chứng là hệ thống dấu tích kiến trúc tôn giáo lớn như chùa, tháp cho thấy sự phát triển của cư dân, thương mại giai đoạn thời Trần. Dựa vào loại hình hiện vật và dấu tích kiến trúc xuất lộ trong hố khai quật, có thể đặt ra giả thiết rằng: các bến bãi trên đảo Thừa Cống phát triển mạnh vào giai đoạn sau khi di tích bến Cống Cái và Con Quy suy tàn, cũng có thể nói rằng đó là sự dịch chuyển bến trung tâm từ đảo Quan Lạn sang đảo Thừa Cống.

2.4. Giai đoạn suy tàn, thế kỷ XVII- XVIII

Vào thời Lê Trung hưng, bến Cống Cái lại quay trở lại là một bến thuyền rất nhộn nhịp và đông đúc, đóng vai trò là bến trung tâm của thương cảng Vân Đồn trong giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII. Có thể đây là nơi tập kết, trao đổi một số loại hàng hóa sử dụng đồ đựng như các loại lon, vại, hũ bằng sành, căn cứ vào sự có mặt dày đặc của chúng trên bờ vụng và trong các hố đào ở khu

vực này. Những kiến trúc được tạo dựng chủ yếu vào thời Lê Trung hưng quanh chân Đồi Đình góp phần chứng thực cho nhận định này. Với những chứng cứ còn ít ỏi, có thể giả thiết rằng đó là các khu vực chứa hàng và là nơi giao nhận. Sự vắng mặt của đồ gốm men Trung Quốc và Việt Nam từ sau thế kỉ XV cho thấy có một giai đoạn trầm lắng của khu di tích này vào khoảng thế kỷ XV-XVI. Nhận định này cũng được chứng thực thêm bởi sự có mặt của tiền thời Tống và tiền thời Lê Trung hưng là chủ yếu trong các khu vực đã khảo sát, nghiên cứu.

Các di tích khác như bến Cái Làng, Cống Đông, Cống Tây vẫn tham gia vào hoạt động ngoại thương trong giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII nhưng không còn sôi nổi. Số lượng hiện vật được phát hiện và các dấu tích kiến trúc không nhiều. Có lẽ sự bồi lấp của bến bãi và sự xuất hiện cảng Domea, Phố Hiến... đã khiến thương cảng Vân Đồn dần đánh mất vai trò thương cảng quốc tế của mình. Vì thế mà sang thế kỷ XIX, đảo Thừa Cống lại trở thành trung tâm hành chính của huyện Nghiêu Phong chứ không còn là trung tâm của thương cảng Vân Đồn nữa.

3. Tạm kết

Kết quả nghiên cứu nghiên cứu đa bào cho thấy sự phù hợp do sự thay đổi của tự nhiên đã tác động đến phương thức phát triển kinh tế. Từ năm 950 AD đến 1450 AD đã có sự thay đổi thảm thực vật ở vùng nhiệt đới khá rõ rệt, đó là phần hoa của các loài dương xỉ tăng mạnh, họ hòa thảo giảm đáng kể, điều này cho thấy năng suất nông nghiệp giảm, sự đốt cháy hầu như không còn bởi sự thiếu vắng của than củi. Thời kỳ này, khí hậu có sự biến đổi mạnh, giai đoạn đầu là khí hậu khô sau đó tăng độ ẩm, đây là khí hậu phù hợp với sự phát triển của các loại dương xỉ. Nguồn nước thiếu hụt vào mùa thu và mùa đông làm cho nông nghiệp không thể canh tác 2 vụ/năm. Một sự thay đổi khác là khí hậu khô cạn hơn, với những năm hạn hán kéo dài. Không có nguồn nước ngọt, sản xuất lúa gạo đã giảm. Đây cũng có thể là một trong những nguyên nhân khiến có cư dân bản địa phải thay đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang thương mại. Mà minh chứng rõ nét nhất đó là sự ra đời của thương cảng Vân Đồn vào thế kỷ XII, phát triển rực rỡ đến thế kỷ XVI.

Từ sau năm 1450, thương cảng đã dần mất vai trò chủ chốt của mình trong nền kinh tế thương mại, thể hiện rõ qua số lượng hàng hóa đã giảm rõ rệt từ thế kỷ XVI. Trong thời gian này, khí hậu trở nên ẩm ướt hơn và lượng mưa tăng hơn giai đoạn trước. Nghề nông nghiệp được phát triển mạnh hơn, phản ánh qua số lượng phần hoa, sự đốt cháy và dân số ngày càng tăng. Sự suy giảm của thương cảng Vân Đồn tỷ lệ nghịch với sự phát triển của ngành nông nghiệp và dân số đã gợi ý về sự trở lại của nền kinh tế tự cung tự cấp ở vùng ven biển. Ngoài ra, quỹ đất dành cho nông nghiệp ở khu vực đảo Quan Lạn là khá hạn chế nên cư dân đồng thời phải tham gia vào các hoạt động kinh tế khác như ngoại thương, ngư nghiệp... để đảm bảo đời sống của họ (Christy Briles và nnk 2019: 6-9).

Hiện nay, giữa các nhà nghiên cứu vẫn còn tranh luận về vị trí trung tâm của thương cảng Vân Đồn qua từng giai đoạn lịch sử. Với những kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng, di tích bến Cống Cái nói riêng và các bến trên đảo Quan Lạn nói chung đã tham gia vào hoạt động ngoại thương gần như sớm nhất, là cái nôi của thương cảng vào giai đoạn sớm khi mới hình thành “tràng Vân Đồn”. Việc xuất lộ số lượng lớn di vật gốm men trắng mang truyền thống lò Định và nhóm gốm men nâu Trung Quốc có niên đại thế kỷ XII-XIII hoặc sớm hơn và hàng loạt các đồng tiền thời Tống đã minh chứng rõ cho điều này. Với việc tham gia vào hoạt động ngoại thương sôi nổi, cư dân ngày càng đông đúc vào khoảng thế kỷ XIII-XIV, lập nên làng cổ Sơn Hào. Sau trận đánh của Trần Khánh Dư, cuối thế kỷ XIII, có thể do tàn phá của chiến tranh, dân cư ở khu vực bến Cống Cái ngày càng thưa, thương mại bắt đầu có dấu hiệu suy tàn. Sang cuối thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XV, bến Cống Cái đánh mất vị trí trung tâm trong thương cảng Vân Đồn. Trong giai đoạn suy tàn của bến Cống Cái, bến Cái Làng và các bến ở đảo Thừa Cống đã tham gia mạnh mẽ vào hoạt động ngoại

thương và trở thành trung tâm thương cảng Vân Đồn vào giai đoạn phát triển. Sang giai đoạn suy tàn, bến Cống Cái lại một lần nữa trở thành trung tâm buôn bán của thương cảng Vân Đồn, mặc dù các hoạt động không còn tập trung và sôi nổi như các giai đoạn trước.

TÀI LIỆU DẪN

- BAN QUẢN LÝ CÁC DI TÍCH TRỌNG ĐIỂM QUẢNG NINH 2010. *Di tích lịch sử - văn hóa thương cảng Vân Đồn*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- BÙI VĂN HIẾU 2014. *Báo cáo kết quả điều tra các dấu tích thương mại quốc tế ở Vân Đồn, Quảng Ninh*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- CAO HÙNG TRUNG, HOA BẰNG (dịch) 2017. *An Nam chí nguyên*. Nxb. ĐH Sư Phạm, Hà Nội.
- CHRISTY BRILES, OLGA SERENCHENKO, LORA STEVENS, A. J. WHITE AND NGUYEN THI MAI HUONG 2019. "Late Holocene anthropogenic and climatic impact on a tropical island ecosystem of Northern Vietnam". *Ecology and evolution*, Vol.7, Article 121.
- ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU 1993. Nxb. KHXH, Hà Nội.
- ĐINH THỊ THANH NGA 2019. *Khảo sát các di tích thuộc hệ thống thương cảng Vân Đồn tại thành phố Móng Cái, Quảng Ninh*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- ĐINH THỊ THANH NGA 2020. *Khảo sát các di tích khảo cổ học lịch sử tại thị xã Quảng Yên và Huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- ĐỖ VĂN NINH 2004. *Thương cảng Vân Đồn*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- LÊ THỊ LIÊN 2017. *Báo cáo khai quật di tích bến Cống Cái, thôn Sơn Hào, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh*. Tư liệu Viện Khảo cổ.
- NGUYỄN VĂN KIM 2006. "Hệ thống thương cảng Vân Đồn qua tư liệu lịch sử và khảo cổ học" Trong *Khảo cổ học*, số 4: 46-65.
- NGUYỄN VĂN KIM 2014. *Vân Đồn thương cảng quốc tế của Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- NGUYỄN VĂN SIÊU 1997. *Đại Việt địa dư toàn biên*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- PHẠM NHƯ HỒ, DOÃN QUANG, PHAN THÚY VÂN 2004. "Khai quật bến Cái Làng (Quảng Ninh)". Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học 2003*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 356-358.
- TRỊNH CAO TUỞNG 2002. *Điều tra Khảo cổ học một số thương cảng cổ ở miền bắc Việt Nam từ thế kỷ IX - thế kỷ XVII*. Tư liệu Viện Khảo cổ.

RESEARCH INTO THE LOCATION SHIFTS OF VÂN ĐỒN TRADE-PORT CENTRE THROUGH HISTORICAL PERIODS

ĐINH THỊ THANH NGA

The site of Vân Đồn trade port is now a system of many wharfs and beaches in Quảng Ninh province, in the eastern part of Northern Vietnam. It is divided into two parts: 1. the central part includes wharves and beaches on the islands of Vân Đồn district; 2. The port front and back are the coastal beaches in Hạ Long and Móng Cái cities and Quảng Yên town.

The wharfs played different roles in different periods, in which there was one or two sites played the role of central wharf. The central wharf shifted from Con Quy and Cống Cái wharfs in the formation period, in the late 12th - early 13th centuries, to Cái Làng wharf and the system of wharfs on Thừa Cống island in the development stage, in the 13th - 16th centuries. However, in the decline period, Cống Cái wharf once again played the central role of Vân Đồn trade port. Apart from that, other wharfs were still active.